

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1497/2024/DS-ST

Ngày 31 tháng 7 năm 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2. Ông Nguyễn Văn Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 0213/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 294/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A**

Địa chỉ: 20 P, Phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn A (Quyết định số 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC lập ngày 08 tháng 8 năm 2022)

Địa chỉ: 27/17 Điện Biên Phủ, Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Lê B**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: 023 L, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/10/2021, ông Lê B có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 01172974-0108804601T21036. Theo đó, Ngân hàng A cho ông B vay số tiền là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng. Mục đích vay là cho vay tiêu dùng trả góp. Thời hạn vay từ ngày 16/10/2021 đến ngày 15/10/2024. Lãi suất trong hạn là 8%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Mỗi tháng ông B thanh toán số tiền là 4.150.000 (bốn triệu, một trăm năm mươi ngàn) đồng cho 35 kỳ và thanh toán số tiền là 3.550.000 (ba triệu, năm trăm năm mươi ngàn) đồng cho kỳ thứ 36. Ngày thanh toán đầu tiên là ngày 15/11/2021. Ông B đã nhận đủ số tiền là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng vào ngày 15/10/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông B đã thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền là 62.250.000 (sáu mươi hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng tương ứng với 15 kỳ thanh toán, trong đó tiền gốc là 43.439.188 (bốn mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi chín ngàn, một trăm tám mươi tám) đồng và lãi trong hạn là 18.810.812 (mười tám triệu, tám trăm mười ngàn, tám trăm mười hai) đồng. Từ ngày 16/01/2023, ông B đã không thanh toán cho Ngân hàng A bất kỳ khoản tiền nào mặc dù Ngân hàng A đã nhiều lần gửi thư nhắc nợ. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc mà ông B chưa thanh toán là 76.560.812 (bảy mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn, tám trăm mười hai) đồng sang nợ quá hạn vào ngày 16/01/2023.

Nay, Ngân hàng A yêu cầu ông Lê B thanh toán ngay một lần tổng số tiền còn nợ là 90.298.432 (chín mươi triệu, hai trăm chín mươi tám ngàn, bốn trăm ba mươi hai) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 76.560.812 (bảy mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn, tám trăm mười hai) đồng.
- Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 16/10/2021 đến ngày 15/5/2024 là 9.340.540 (chín triệu, ba trăm bốn mươi ngàn, năm trăm bốn mươi) đồng.
- Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 16/01/2023 đến ngày 31/5/2023 là 4.397.080 (bốn triệu, ba trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm tám mươi) đồng.

Ông B phải thanh toán khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 01/6/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 01172974-0108804601T21036 ngày 15/10/2021.

Ngân hàng thương A chỉ yêu cầu cá nhân ông Lê B thanh toán nợ, không yêu cầu đưa thêm bất cứ người nào vào tham gia vụ kiện với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn - ông Lê B vắng mặt suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập và niêm yết hợp lệ. Ông Khánh cũng không gửi văn bản phản hồi đến Tòa.

Tại phiên tòa,

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ các nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa triệu tập xét xử hợp lệ và cũng không gửi văn bản ý kiến đến phiên tòa.

Tại phần tranh luận,

Tại phần tranh luận, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

1.3. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn đã thực hiện các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, bị đơn đã thực hiện không đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Tòa đã tổng đạt xét xử hợp lệ triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 mở ngày 05/7/2024 và lần 2 mở ngày 31/7/2024 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 01172974-0108804601T21036 ngày 15/10/2021 cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện đã đủ cơ sở xác định bị đơn đã được nguyên đơn cho vay tiêu dùng trả góp với số tiền là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày 16/10/2021 đến ngày 15/10/2024, lãi suất trong hạn là 8%/năm, mục đích vay tiêu dùng trả góp, vốn và lãi vay được trả góp thành 36 kỳ.

Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 62.250.000 (sáu mươi hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng tương ứng với 15 kỳ thanh toán, trong đó tiền gốc là 43.439.188 (bốn mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi chín ngàn, một trăm tám mươi tám) đồng và lãi trong hạn là 18.810.812 (mười tám triệu, tám trăm mười ngàn, tám trăm mười hai) đồng.

Bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 91.907.271 (chín mươi một triệu, chín trăm lẻ bảy ngàn, hai trăm bảy mươi một) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 76.560.812 (bảy mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn, tám trăm mười hai) đồng.

- Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 16/10/2021 đến ngày 15/7/2024 là 9.729.729 (chín triệu, bảy trăm hai mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi chín) đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 16/01/2023 đến ngày 31/7/2024 là 5.616.730 (năm triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, bảy trăm ba mươi) đồng.

Đến nay, bị đơn vẫn chưa thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ trước hạn cả gốc và lãi, yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần số tiền gốc và tiền lãi còn nợ là phù hợp với quy định Điều 12, Điều 14 của hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 01172974-0108804601T21036 ngày 15/10/2021; Điều 4, Điều 7 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Mặc dù nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc là 76.560.812 (bảy mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn, tám trăm mười hai) đồng sang nợ quá hạn kể từ ngày 16/01/2023 nhưng nguyên đơn không tính lãi quá hạn trên toàn bộ số nợ gốc còn nợ kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn mà nguyên đơn chỉ tính lãi trong hạn phát sinh kể từ ngày đến hạn của từng kỳ thanh toán và tính lãi quá hạn đối với các kỳ thanh toán đã quá hạn thanh toán là có lợi cho bị đơn nên có căn cứ để chấp nhận.

Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình tố tụng giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và xét xử. Cho thấy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền lợi tố tụng của mình.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thiết nghĩ yêu cầu của nguyên đơn hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận toàn bộ, cần buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 91.907.271 (chín mươi một triệu, chín trăm lẻ bảy ngàn, hai trăm bảy mươi một) đồng cho nguyên đơn ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh

toán với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 01172974-0108804601T21036 ngày 15/10/2021 theo như ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí dân sự sơ thẩm là 4.595.364 (bốn triệu, năm trăm chín mươi lăm ngàn, ba trăm sáu mươi bốn) đồng, bị đơn phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.151.000 (hai triệu, một trăm năm mươi một ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018531 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lê B phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền là 91.907.271 (chín mươi một triệu, chín trăm lẻ bảy ngàn, hai trăm bảy mươi một) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 76.560.812 (bảy mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn, tám trăm mười hai) đồng.

- Tiền lãi trong hạn là 9.729.729 (chín triệu, bảy trăm hai mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi chín) đồng.

- Tiền lãi quá hạn là 5.616.730 (năm triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, bảy trăm ba mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 01172974-0108804601T21036 ngày 15/10/2021.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 4.595.364 (bốn triệu, năm trăm chín mươi lăm ngàn, ba trăm sáu mươi bốn) đồng, ông Lê B phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.151.000 (hai triệu, một trăm năm mươi một ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018531 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Y;
- Chi Cục THADS quận Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Liên Hương

